

Số: 50/BC-BV

Than Uyên, ngày 06 tháng 3 năm 2026

BÁO CÁO
Công tác Cải cách hành chính Bệnh viện Đa khoa Than Uyên
Quý I năm 2026

Thực hiện chế độ báo cáo định kỳ. Bệnh viện Đa khoa Than Uyên báo cáo kết quả thực hiện công tác cải cách hành chính Quý I năm 2026, cụ thể như sau:

I. TÌNH HÌNH TRIỂN KHAI THỰC HIỆN

1. Công tác chỉ đạo điều hành

1.1. Công tác tham mưu ban hành văn bản

Bệnh viện đã ban hành các chương trình, kế hoạch, văn bản chỉ đạo triển khai thực hiện đến các khoa, phòng thực hiện công tác cải cách hành chính, chuyển đổi số⁽¹⁾. Chỉ đạo các khoa tiếp tục đẩy mạnh thực hiện khám bệnh, chữa bệnh BHYT bằng CCCD gắn chip và VNeID. Kết quả khám, chữa bệnh bằng CCCD gắn chip, VneID đạt 12.588 lượt bệnh nhân (*tỷ lệ 81,6%*).

Triển khai, thực hiện điều tra xã hội học đo lường sự hài lòng của người dân, tổ chức đối với dịch y tế theo Quyết định số 56/QĐ-BYT ngày 08/01/2024 của Bộ Y tế ban hành hướng dẫn về phương pháp đo lường sự hài lòng của người dân đối với dịch vụ y tế công giai đoạn 2021-2030, trong đó kết quả tính từ 01/01/2026 đến 05/3/2026, kết quả: Tỷ lệ hài lòng chung đối với dịch vụ khám, chữa bệnh đạt 95,6%⁽²⁾.

Tình hình thực hiện nhiệm vụ của Sở Y tế, UBND xã Than Uyên: Từ ngày 05/12/2025 đến ngày 05/03/2026: tổng số nhiệm vụ giao 598; nhiệm vụ đã hoàn thành 556 (*đúng hạn 556; quá hạn 0*); nhiệm vụ đang thực hiện 42 (*trong hạn 42 nhiệm vụ; quá hạn 0 Nhiệm vụ*).

1.2. Công khai thông tin, tuyên truyền công tác cải cách hành chính (CCHC)

Đơn vị tổ chức 02 buổi tuyên truyền các nội dung liên quan đến hướng dẫn sử dụng phần mềm giải quyết TTHC và hướng dẫn thực hiện các nhiệm vụ kiểm soát thủ tục hành chính lồng ghép với giao ban bệnh viện.

¹ Kế hoạch số 1202/KH-TTYT ngày 15/12/2025, Cải cách hành chính giai đoạn 2026-2030; Kế hoạch số 1266/KH-TTYT ngày 24/12/2025, Thực hiện công tác cải cách hành chính năm 2026; Kế hoạch số 78/KH-BV ngày 15/01/2026 về Triển khai công tác kiểm soát thủ tục hành chính trọng tâm năm 2026; Kế hoạch số 173/KH-BV ngày 02/02/2026 về duy trì, cải tiến, áp dụng Hệ thống Quản lý chất lượng theo Tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2015 vào hoạt động của Bệnh viện Đa khoa Than Uyên.

² Dịch vụ khám, chữa bệnh áp dụng mẫu phiếu số 1 và mẫu phiếu số 2: Đối với người bệnh nội trú tiến hành phòng vấn điều tra: 78 cỡ mẫu (*bao gồm cả sản phụ*); Đối với bệnh nhân ngoại trú tiến hành phòng vấn điều tra: 82 cỡ mẫu (*bao gồm cả phụ nữ mang thai*).

1. 3. Công tác kiểm tra cải cách hành chính

Đơn vị lồng ghép thực hiện tự kiểm tra, chấm điểm công tác CCHC tổng kiểm tra chuyên môn hàng tháng tại bệnh viện.

2. Kết quả thực hiện nhiệm vụ cải cách hành chính

2.1. Công tác cải cách thể chế

Đơn vị ban hành, triển khai thực hiện kế hoạch phổ biến, theo dõi thi hành pháp luật⁽³⁾. Trong năm, đơn vị không có văn bản tham mưu với Sở Y tế về thực hiện xây dựng, sửa đổi, bổ sung các văn bản quy phạm pháp luật.

Thực hiện nghiêm túc tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo theo quy định của Luật Tiếp công dân, Nghị định số 64/2014/NĐ-CP ngày 26/6/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Tiếp công dân; thực hiện trực số điện thoại đường dây nóng đảm bảo thông suốt 24/24 giờ. Công tác tiếp công dân được giao Trưởng phòng Tổ chức hành chính là đầu mối; lịch tiếp công dân của lãnh đạo đơn vị được niêm yết công khai tại các khoa, phòng, trang thông tin điện tử của đơn vị; duy trì hoạt động số điện thoại đường dây nóng của Bệnh viện để tiếp nhận ý kiến của tổ chức, công dân trong quá trình phục vụ của nhân viên y tế. Kết quả: Trong kỳ báo cáo không có kiến nghị, phản ánh về đường dây nóng.

Tuyên truyền trực tiếp lồng ghép vào các buổi giao ban, sinh hoạt chuyên môn 02 buổi với 387 lượt người tham dự; đồng thời chỉ đạo các khoa, phòng tự tổ chức tuyên truyền thông qua các văn bản, tài liệu liên quan đến pháp luật, lĩnh vực ngành được gửi trên hệ thống phần mềm quản lý văn bản. Kết quả: Ý thức chấp hành pháp luật của viên chức, người lao động được nâng lên, thời điểm báo cáo không có cá nhân, tập thể vi phạm pháp luật, nội quy, quy chế của ngành, của cơ quan phải xử lý kỷ luật.

Kiểm tra, rà soát văn bản quy phạm pháp luật: chưa phát hiện chồng chéo, bất cập trong các văn bản quy phạm pháp luật do cấp có thẩm quyền ban hành về lĩnh vực bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe nhân dân.

2.2. Công tác cải cách TTHC

Thực hiện rà soát TTHC nội bộ thuộc thẩm quyền giải quyết của Bệnh viện. Kết quả: không phát hiện thủ tục hành chính chồng chéo, không phù hợp, cần bãi bỏ, thay thế, điều chỉnh.

Duy trì hoạt động Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính, hệ thống camera giám sát tại các nơi quan trọng để kiểm tra, theo dõi tinh thần thái độ phục vụ, ứng xử của nhân viên y tế, kịp thời chấn chỉnh, tránh những tình trạng sai phạm, tiêu cực, thiếu trách nhiệm, gây phiền hà cho

³ Kế hoạch số 228/KH-BV ngày 12/02/2026 về thực hiện công tác phổ biến, giáo dục pháp luật năm 2026; Công văn số 275/BV-TCHC ngày 23/02/2026 về việc định hướng nội dung phổ biến, giáo dục pháp luật tháng 02 năm 2026; Công văn số 231/BV-TCHC ngày 03/3/2026 về việc định hướng nội dung phổ biến, giáo dục pháp luật tháng 3 năm 2026.

người bệnh và nhân dân. Kết quả thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính: Đến thời điểm báo cáo, đơn vị đã tiếp nhận, giải quyết 556 TTHC đảm bảo đúng quy trình, thời gian.

Kết quả tiếp nhận, xử lý phản ánh, kiến nghị của người dân, tổ chức liên quan đến quy định TTHC: trong kỳ báo cáo không có đơn thư kiến nghị, phản ánh của tổ chức, công dân liên quan đến quy định TTHC của Bệnh viện.

2.3. Cải cách tổ chức bộ máy

Tiến hành rà soát, sắp xếp viên chức, người lao động đúng với trình độ chuyên môn đào tạo, phân công rõ chức năng nhiệm vụ được giao, tăng cường tính chuyên nghiệp của viên chức, người lao động; hàng tháng đánh giá chất lượng thực hiện nhiệm vụ của viên chức, sự phối hợp của các khoa, phòng trong thực hiện công việc chung của đơn vị.

Tiếp tục thực hiện Kế hoạch số 07/KH-BV ngày 08/01/2026 của Bệnh viện Đa khoa Than Uyên về Chuyển đổi vị trí công tác phòng, chống tham nhũng tại Trung tâm Y tế Than Uyên năm 2026. Trong kỳ báo cáo đơn vị chưa thực hiện chuyển đổi công tác; không có viên chức, người lao động vi phạm pháp luật, quy chế làm việc của cơ quan phải xử lý kỷ luật.

Đơn vị đã chủ động xây dựng bổ sung quy hoạch viên chức quản lý giai đoạn 2021-2026 năm 2026 và xây dựng quy hoạch viên chức quản lý giai đoạn 2026-2031.

2.4. Cải cách chế độ công vụ

Công, tác điều động, bổ nhiệm lãnh đạo quản lý tại Bệnh viện Đa khoa Than Uyên được triển khai nghiêm túc, đúng quy trình, đảm bảo phù hợp với năng lực, sở trường và yêu cầu nhiệm vụ chuyên môn tại đơn vị. Thực hiện quy trình bổ nhiệm mới, bổ nhiệm lại, điều động bổ nhiệm đối với viên chức đáp ứng đầy đủ các tiêu chuẩn, điều kiện bổ nhiệm viên chức quản lý theo quy định. Kết quả: Thực hiện quy trình bổ nhiệm lại chức danh viên chức quản lý thuộc thẩm quyền bổ nhiệm của Sở Y tế: 04 vị trí⁽⁴⁾. Thuộc thẩm quyền bổ nhiệm của Bệnh viện: 0 vị trí.

Triển khai xây dựng, thực hiện kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng, kết quả: Tham mưu xây dựng kế hoạch đào tạo năm 2026⁽⁵⁾. Trình dự toán kinh phí đào tạo năm 2026; Trình cấp có thẩm quyền cử đào tạo mới 01 viên chức⁽⁶⁾.

Công tác quy hoạch lãnh đạo, quản lý và bảo vệ chính trị nội bộ của Bệnh viện Đa khoa Than Uyên luôn được quan tâm, triển khai bài bản, đúng quy định, góp phần xây dựng đội ngũ viên chức quản lý có phẩm chất chính trị, đạo đức và

⁴ 01 chức danh Trưởng Phòng Tổ chức hành chính; 02 chức danh trưởng khoa Dược và khoa Ngoại; 02 chức danh phó trưởng khoa Hồi sức cấp cứu và khoa Y học cổ truyền và PHCN.

⁵ Kế hoạch số 468/KH-TTYT ngày 14/9/2025 về Đào tạo, bồi dưỡng viên chức và lập dự toán kinh phí đào tạo, bồi dưỡng viên chức năm 2026.

⁶ 01 viên chức Đại học Điều dưỡng trường Đại học Thành Đông.

năng lực chuyên môn vững vàng. Trong năm 2026, đơn vị đã tiến hành rà soát tổng số cán bộ còn trong danh sách quy hoạch được phê duyệt trước khi rà soát 94 người với 158 chức danh; giữ nguyên quy hoạch 39 người với 51 chức danh; bổ sung quy hoạch: 31 người với 42 chức danh; rà soát đưa ra khỏi quy hoạch: 55 người với 107 chức danh. Lý do: Đã bổ nhiệm, chuyển trạm y tế xã về UBND xã quản lý. Những kết quả trên cho thấy công tác quy hoạch và bảo vệ chính trị nội bộ luôn được thực hiện nghiêm túc, đúng quy trình, góp phần quan trọng trong việc ổn định tổ chức và nâng cao chất lượng đội ngũ viên chức quản lý y tế tại địa phương.

Thực hiện đầy đủ, kịp thời chế độ chính sách cho, viên chức, người lao động như: nâng bậc lương, nâng ngạch lương, các chế độ phụ cấp ưu đãi, phụ cấp độc hại, chế độ thu hút, hỗ trợ đào tạo; trong kỳ báo cáo chưa có đối tượng cần trình Sở Y tế hồ sơ đề nghị nghỉ hưu.

Công tác khen thưởng được thực hiện nghiêm túc, kịp thời phát hiện và khen thưởng các tập thể, cá nhân có nhiều thành tích xuất sắc trong thực hiện nhiệm vụ được phân công. Kết quả⁽⁷⁾

Triển khai, quán triệt đến viên chức và người lao động thực hiện nghiêm túc Chỉ thị số 03/CT-UBND ngày 27/02/2017 của Chủ tịch UBND tỉnh Lai Châu và Quyết định số 1847/QĐ-TTg ngày 27/12/2018 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Đề án văn hóa công vụ trong đơn vị.

2.5. Cải cách tài chính công

Tiếp tục thực hiện cơ chế tự chủ tài chính theo Nghị định số 60/2021/NĐ-CP ngày 21/6/2021 của Chính phủ Quy định cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập. Duy trì hoạt động các phương thức thanh toán không dùng tiền mặt trong các hoạt động của đơn vị. Thực hiện báo cáo Sở Y tế theo đúng định kỳ.

Đơn vị thực hiện cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm về tài chính theo quy định tại Nghị định số 60/2021/NĐ-CP ngày 21/6/2021 của Chính phủ Quy định cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập. Ban hành quy chế chi tiêu nội bộ năm 2026; Quy định các định mức nhằm thực hiện tiết kiệm, chống lãng phí trong đơn vị. Duy trì hoạt động các phương thức thanh toán không dùng tiền mặt trong các hoạt động của Trung tâm Y tế.

Ban hành, tổ chức thực hiện quy chế mua sắm, quản lý, sử dụng tài sản công phù hợp với tình hình của đơn vị⁽⁸⁾. Ngân sách được quản lý, sử dụng đúng theo quy định của pháp luật, không để xảy ra tình trạng thất thoát, sử dụng sai mục đích. Tài sản công được giao đến các khoa, phòng quản lý, sử dụng. Lập hồ

⁷ Trong kỳ báo cáo có 56 cá nhân công nhận CSTĐ cấp cơ sở; 41 cá nhân được Sở Y tế tỉnh Lai Châu tặng Giấy khen; Hoàn thiện hồ sơ trình Bộ Y tế tặng Bằng khen cho 09 cá nhân.

⁸ Quyết định số 113/QĐ-BVĐK ngày 23/01/2026 Về việc Ban hành quy chế mua sắm, quản lý, sử dụng tài sản công của Bệnh viện Đa khoa Than Uyên.

sơ, sổ sách theo dõi tài sản, thiết bị, không để xảy ra lãng phí trong mua sắm, sử dụng tài sản

Việc công khai và sử dụng ngân sách được giao là một trong những nhiệm vụ quan trọng của đơn vị nhằm đảm bảo tính minh bạch, hiệu quả và đúng quy định pháp luật. Ngân sách được phân bổ phải được sử dụng đúng mục đích, ưu tiên cho các hoạt động khám chữa bệnh, phòng chống dịch, đầu tư trang thiết bị y tế và nâng cao chất lượng dịch vụ. Công khai kế hoạch chi tiêu, báo cáo quyết toán theo định kỳ và chịu sự giám sát của cơ quan chức năng cũng như cộng đồng⁽⁹⁾; việc này không chỉ giúp tăng cường niềm tin của người dân mà còn góp phần nâng cao hiệu quả quản lý tài chính công trong lĩnh vực y tế.

2.6. Xây dựng Chính quyền điện tử, Chính quyền số

Trang bị máy tính kết nối internet cho 100% khoa, phòng. Thường xuyên nâng cấp cơ sở hạ tầng kỹ thuật nhằm đáp ứng nhu cầu triển khai Chính quyền điện tử như: đầu tư, mua sắm mới, thay thế trang thiết bị máy tính bị cũ, hư hỏng không đáp ứng được yêu cầu công việc⁽¹⁰⁾. Chú trọng trong việc đảm bảo an toàn, an ninh thông tin, trong đó đã cài đặt phần mềm diệt vi rút có bản quyền cho 170/170 máy tính, đạt 100%.

Trong kỳ báo cáo đơn vị đã tiếp nhận 1.578 văn bản, trong đó 1.506 văn bản điện tử (*chiếm 95,4%*), 72 văn bản giấy⁽¹¹⁾ (*chiếm 4,6%*); phát hành 1.500 văn bản, trong đó 1.479 điện tử (*chiếm 98,6%*), phát hành 21 mật (*chiếm 1,4%*). Không có tình trạng tiếp nhận, xử lý văn bản chậm, muộn.

Duy trì hoạt động các phần mềm, ứng dụng phục vụ công tác chuyên môn, nghiệp vụ; các tài khoản trên Hệ thống quản lý văn bản, chữ ký số⁽¹²⁾. Duy trì hoạt động Hộp thư công vụ, chữ ký số, trao đổi văn bản trên Hệ thống quản lý văn bản. Bệnh viện đang sử dụng 17 phần mềm phục vụ công tác chuyên môn, nghiệp vụ⁽¹³⁾. Các bản tin, văn bản chỉ đạo điều hành, văn bản pháp luật, báo cáo, ... được cập nhật thường xuyên, liên tục. Không có tình trạng nhận, gửi

⁹ Quyết định số 16/QĐ-BV ngày 01/01/2026 về quy chế chi tiêu nội bộ năm 2026. Quyết định công khai dự toán NSNN năm 2026: Quyết định số 394/QĐ-TTYYT ngày 30/12/2025, Biên bản niêm yết công khai ngày 31/12/2025; Quyết định số 146/QĐ-BV ngày 06/02/2026 Về việc công khai số liệu điều chỉnh dự toán thu, chi ngân sách nhà nước năm 2026 cho các đơn vị dự toán trực thuộc Sở Y tế, Biên bản niêm yết công khai ngày 06/02/2026.

¹⁰ Bệnh viện có 175 máy tính để bàn; trong kỳ báo cáo, nâng cấp, sửa chữa thay thế 04 máy tính bàn, mua sắm mới 05 bộ máy tính.

¹¹ Văn bản Tối mật: 06 văn bản; Văn bản Mật: 66 văn bản.

¹² Đơn vị có 28 tài khoản sử dụng trên Hệ thống văn bản, 05 tài khoản sử dụng chữ ký số, gồm: 01 Giám đốc, 02 Phó Giám đốc, 01 Văn thư; 01 hộp thư công vụ.

¹³ Phần mềm báo cáo bệnh truyền nhiễm; Phần mềm quản lý người nhiễm, tư vấn xét nghiệm HIV/AIDS; Phần mềm điều trị ARV; Phần mềm khám, chữa bệnh VIETTEL-HIS; Phần mềm Hệ thống thông tin quản lý môi trường cơ sở y tế; Phần mềm quản lý phương tiện tránh thai; Phần mềm quản lý văn bản; chứng thư số, chữ ký số; Phần mềm quản lý cán bộ VNERP; Phần mềm khảo sát sự hài lòng của người bệnh; Phần mềm kế toán Misa; Phần mềm quản lý tài sản Misamimosa; Phần mềm chấm điểm tiêu chí chất lượng bệnh viện; Phần mềm báo cáo thống kê; Phần mềm báo cáo quản lý nhân lực; Phần mềm lưu trữ hồ sơ bệnh án; Phần mềm bệnh không lây nhiễm.

văn bản chậm, muộn.

Phối hợp với đơn vị cung cấp phần mềm HIS của đơn vị (VIETTEL Lai Châu) triển khai việc thực hiện bệnh án điện tử (EMR), đang hoàn thiện modul thanh toán chi phí khám chữa bệnh bằng mã QR động.

Số hóa hồ sơ, kết quả giải quyết TTHC: Tính đến thời điểm hiện tại đơn vị tiếp nhận giải quyết 556 hồ sơ (*Cấp giấy chứng nhận nghỉ việc hưởng BHXH: 04 hồ sơ; Cấp bản tóm tắt hồ sơ bệnh án: 03 hồ sơ; Cấp Giấy chứng sinh: 254 hồ sơ; Cấp lại Giấy chứng sinh: 0 hồ sơ; Cấp Giấy báo tử: 01 hồ sơ; Cấp Giấy khám sức khỏe lái xe: 294 hồ sơ*).

(Có Biểu tổng hợp số liệu kèm theo).

3. Đánh giá chung công tác CCHC Quý I năm 2026

3.1. Ưu điểm

Công tác cải cách hành chính của Bệnh viện được xác định là một trong những nhiệm vụ trọng tâm, xuyên suốt. Bệnh viện tập trung chỉ đạo thống nhất, triển khai đồng bộ, bám sát chương trình, kế hoạch cải cách hành chính của cấp trên.

3.2. Tồn tại, hạn chế, nguyên nhân

Chưa tiếp nhận và giải quyết TTHC trực tuyến. Nguyên nhân: các TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết của Bệnh viện là TTHC nội bộ và được thực hiện theo hình thức trực tiếp.

II. MỤC TIÊU, NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH TRỌNG TÂM QUÝ II/2026

1. Mục tiêu

- Tiếp tục triển khai kiểm tra tối thiểu 20% các khoa, phòng trực thuộc trong năm 2026.
- Công tác tuyên truyền được thực hiện kịp thời, thường xuyên, hiệu quả.
- Mức độ hài lòng của người dân về dịch vụ y tế công lập đạt tối thiểu 90%.
- 100% thủ tục hành chính nội bộ được công bố, công khai đầy đủ; rà soát, cắt giảm 20% quy định, 20% chi phí tuân thủ thủ tục hành chính nội bộ.
- Mức độ hài lòng của người dân, doanh nghiệp về giải quyết thủ tục hành chính đạt tối thiểu 95%.
- Tiếp tục triển khai thực hiện tốt cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm về sử dụng biên chế và kinh phí quản lý nhà nước và cơ chế tự chủ của các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc Sở.
- Thực hiện hiệu quả công tác quản lý, sử dụng tài sản công theo quy định hiện hành.
- Công khai thu, chi ngân sách bảo đảm theo quy định.

2. Nhiệm vụ, giải pháp trọng tâm

Đẩy mạnh công tác tuyên truyền cải cách hành chính, đa dạng nội dung, hình thức tuyên truyền; thường xuyên quán triệt, triển khai đầy đủ, kịp thời các văn bản chỉ đạo của cấp trên về công tác cải cách hành chính; phân công rõ trách nhiệm của cá nhân, tập thể, rõ thời gian, rõ công việc trong quá trình triển khai thực hiện cải cách hành chính.

Triển khai đo lường mức độ hài lòng của người dân về dịch vụ y tế; công bố kết quả; triển khai các giải pháp cải tiến chất lượng dịch vụ y tế ngày càng tốt hơn.

Triển khai thực hiện hiệu quả công tác cải cách thủ tục hành chính; thực hiện hiệu quả bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của đơn vị; tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin trong giải quyết TTHC.

Tiếp tục tham mưu Sở Y tế trong việc rà soát, sắp xếp, tinh gọn tổ chức bộ máy khắc phục sự trùng lặp chức năng, nhiệm vụ.

Tăng cường tuyên truyền, nâng cao trách nhiệm, hiệu quả công tác quản lý, sử dụng tài sản công. Tiếp tục thực hiện phương án sắp xếp lại, xử lý nhà đất theo quy định tại Nghị định số 167/2017/NĐ-CP ngày 31/12/2017 và Nghị định số 67/2021/NĐ-CP ngày 15/7/2021 của Chính phủ.

III. KIẾN NGHỊ, ĐỀ XUẤT: Không.

Trên đây là Báo cáo của Bệnh viện Đa khoa Than Uyên về kết quả công tác cải cách hành chính Quý I năm 2026./.

Nơi nhận:

- Sở Y tế tỉnh Lai Châu;
- Ban Giám đốc;
- Lưu: VT, TCHC.

GIÁM ĐỐC

Vũ Văn Quang

BIỂU THỐNG KÊ SỐ LIỆU BÁO CÁO QUÝ I NĂM 2026
*(Ban hành kèm theo Báo cáo số 50/BC-BV ngày 06/3/2026
của Bệnh viện Đa khoa Than Uyên)*

STT	Chỉ tiêu thống kê	Kết quả thống kê	
		Đơn vị tính	Số liệu
I.	Công tác chỉ đạo điều hành CCHC		
1	Số văn bản chỉ đạo CCHC đã ban hành (Kết luận; công văn chỉ đạo, triển khai, quán triệt các văn bản chỉ đạo của tỉnh)	Văn bản	09
2	Tỷ lệ hoàn thành Kế hoạch CCHC năm (Lũy kế đến thời điểm báo cáo)	%	0%
2.1	Số nhiệm vụ đề ra trong kế hoạch	Nhiệm vụ	8
2.2	Số nhiệm vụ đã hoàn thành	Nhiệm vụ	0
2.3	Số nhiệm vụ đang thực hiện		0
3	Kiểm tra CCHC		
3.1	Số phòng, đơn vị trực thuộc được kiểm tra	Phòng, đơn vị	01
3.2	Tỷ lệ xử lý các vấn đề phát hiện qua kiểm tra	%	100
3.2.1	Số vấn đề phát hiện qua kiểm tra	Vấn đề	1
3.2.2	Số vấn đề phát hiện đã xử lý xong	Vấn đề	1
4	Tuyên truyền cải cách hành chính		
4.1	Tuyên truyền trên Trang thông tin điện tử của đơn vị	Tin, bài	0
4.2	Tuyên truyền qua các hình thức khác: hội nghị, tập huấn, qua các nền tảng mạng xã hội (zalo, facebook,...)	Không có: 0 Có: 1	1
5	Thực hiện nhiệm vụ UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh phủ giao		
5.1	Tổng số nhiệm vụ được giao	Nhiệm vụ	0
5.2	Số nhiệm vụ đã hoàn thành đúng hạn	Nhiệm vụ	0
5.3	Số nhiệm vụ đã hoàn thành nhưng quá hạn	Nhiệm vụ	0
5.4	Số nhiệm vụ quá hạn nhưng chưa hoàn thành	Nhiệm vụ	0
II.	Cải cách thể chế		
1	Tổng số VBQPPL tham mưu ban hành	Văn bản	
1.1	Số văn bản QPPL tham mưu cho HĐND tỉnh	Văn bản	0
a	Số VB QLPPPL được giao	Văn bản	0
b	Số VB QPPL đã được ban hành	Văn bản	0
c	Số VB QPPL đang tham mưu	Văn bản	0
1.2.	Số VB QPPL tham mưu cho UBND tỉnh		0
a	Số VB QLPPPL được giao	Văn bản	0
b	Số VB QPPL đã được ban hành	Văn bản	0

STT	Chỉ tiêu thống kê	Kết quả thống kê	
		Đơn vị tính	Số liệu
c	Số VB QPPL đang tham mưu	Văn bản	0
2	Kiểm tra, xử lý VBQPPL		
2.1	Số VBQPPL tự kiểm tra thuộc thẩm quyền	Văn bản	0
2.2	Tỷ lệ xử lý VBQPPL sau kiểm tra	%	0
2.2.1	Tổng số VBQPPL cần phải xử lý sau kiểm tra	Văn bản	0
2.2.1	Số VBQPPL có kiến nghị xử lý đã được xử lý xong	Văn bản	0
3	Rà soát VBQPPL		
3.1	Số VBQPPL đã rà soát thuộc thẩm quyền	Văn bản	0
3.2	Tỷ lệ xử lý VBQPPL sau rà soát	%	0
3.2.1	Tổng số VBQPPL cần phải xử lý sau rà soát	Văn bản	0
3.2.2	Số VBQPPL có kiến nghị xử lý đã được xử lý xong	Văn bản	0
III.	Cải cách thủ tục hành chính		
1	Thống kê TTHC		
1.1	Số TTHC đã được phê duyệt phương án đơn giản hóa	Thủ tục	0
1.2	Số TTHC công bố mới	Thủ tục	0
1.3	Số TTHC bãi bỏ, thay thế	Thủ tục	0
1.4	Tổng số TTHC đang có hiệu lực thuộc ngành, lĩnh vực do đơn vị quản lý	Thủ tục	6
1.4.1	Số TTHC cấp tỉnh	Thủ tục	0
1.4.2	Số TTHC cấp xã	Thủ tục	0
2	Thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông		
2.1	Số TTHC liên thông cùng cấp	Thủ tục	0
2.2	Số TTHC liên thông giữa các cấp chính quyền	Thủ tục	0
2.3	Số TTHC đã thực hiện tiếp nhận và giải quyết hồ sơ không phụ thuộc vào địa giới hành chính.	Thủ tục	0
3	Kết quả giải quyết TTHC		
3.1	Tổng số hồ sơ đã tiếp nhận	Hồ sơ	556
3.2	Tỷ lệ hồ sơ TTHC tiếp nhận được giải quyết trước và đúng hạn	%	100
3.2.1	Tổng số hồ sơ TTHC đã giải quyết xong	Hồ sơ	556
3.2.2	Số hồ sơ TTHC giải quyết trước và đúng hạn	Hồ sơ	556
3.3	Tỷ lệ giải quyết phản ánh, kiến nghị (PAKN) về quy định TTHC	%	100
3.3.1	Tổng số PAKN đã tiếp nhận (trực tiếp hoặc do cơ quan có thẩm quyền chuyển đến)	PAKN	0
3.3.2	Số PAKN đã giải quyết xong	PAKN	0

STT	Chỉ tiêu thống kê	Kết quả thống kê	
		Đơn vị tính	Số liệu
4	Tỷ lệ số hoá hồ sơ, kết quả giải quyết TTHC	%	100
IV.	Cải cách tổ chức bộ máy		
1	Sắp xếp, kiện toàn tổ chức bộ máy		
1.1	Số phòng chuyên môn	Phòng	02
1.2	Số đơn vị sự nghiệp trực thuộc	Đơn vị	13
2	Số liệu về biên chế công chức		
2.1	Tổng số biên chế được giao trong năm	Người	0
2.2	Tổng số biên chế có mặt tại thời điểm báo cáo	Người	0
2.3	Số hợp đồng lao động làm việc tại các cơ quan, tổ chức hành chính	Người	0
2.4	Số biên chế đã tinh giản trong kỳ báo cáo	Người	0
2.5	Tỷ lệ phần trăm biên chế đã tinh giản so với năm 2015	%	0
3	Số người làm việc hưởng lương từ NSNN tại các đơn vị sự nghiệp công lập		
3.1	Tổng số người làm việc được giao	Người	204
3.2	Tổng số người làm việc có mặt tại thời điểm báo cáo	Người	202
3.3	Số người đã tinh giản trong kỳ báo cáo	Người	0
3.4	Tỷ lệ % đã tinh giản so với năm 2015	%	
V.	Cải cách chế độ công vụ		
1	Vị trí việc làm của công chức, viên chức		
1.1	Số phòng chuyên môn đã được phê duyệt vị trí việc làm theo quy định	Cơ quan, đơn vị	0
1.2	Số đơn vị sự nghiệp đã được phê duyệt vị trí việc làm theo quy định	Cơ quan, đơn vị	1
2	Tuyển dụng công chức, viên chức		
2.1	Số công chức được tuyển dụng (thi tuyển, xét tuyển)	Người	0
2.2	Số công chức được tuyển dụng theo trường hợp đặc biệt.	Người	0
2.3	Số viên chức được tuyển dụng (thi tuyển, xét tuyển).	Người	0
2.4	Số viên chức được tuyển dụng theo trường hợp đặc biệt.	Người	0
3	Công chức lãnh đạo	Người	
3.1	Số lãnh đạo sở/ban/ngành hiện có mặt	Người	0
3.2	Số lãnh đạo sở/ban/ngành được bổ nhiệm mới	Người	0
3.3	Số lãnh đạo cấp phòng hoặc tương đương hiện có mặt	Người	0
3.4	Số lãnh đạo cấp phòng hoặc tương đương được bổ nhiệm mới	Người	0
4	Số lượng cán bộ, công chức, viên chức bị kỷ luật (cả về Đảng và chính quyền).		
4.1	Số lãnh đạo sở/ban/ngành bị kỷ luật.	Người	0

STT	Chỉ tiêu thống kê	Kết quả thống kê	
		Đơn vị tính	Số liệu
4.2	Số lãnh đạo cấp phòng hoặc tương đương bị kỷ luật.	Người	0
4.3	Số công chức, viên chức, người lao động bị kỷ luật	Người	0
VI.	Cải cách tài chính công		
1	Các văn bản triển khai thực hiện cơ chế khoán biên chế và kinh phí hành chính theo Nghị định số 130/2005/NĐ-CP, Nghị định số 117/2014/NĐ-CP ngày 7/10/2014	Văn bản	
2	Thực hiện tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp (ĐVSN) trực thuộc (lũy kế đến thời điểm báo cáo)		
2.1	Tổng số ĐVSN trực thuộc	Đơn vị	0
2.2	Số ĐVSN tự bảo đảm chi thường xuyên và chi đầu tư	Đơn vị	0
2.3	Số ĐVSN tự bảo đảm chi thường xuyên	Đơn vị	0
2.4	Số ĐVSN tự bảo đảm một phần chi thường xuyên	Đơn vị	0
2.4.1	Số ĐVSN tự bảo đảm từ 70% - dưới 100% chi thường xuyên	Đơn vị	0
2.4.2	Số ĐVSN tự bảo đảm từ 30% - dưới 70% chi thường xuyên	Đơn vị	1
2.4.3	Số ĐVSN tự bảo đảm từ 10% - dưới 30% chi thường xuyên	Đơn vị	0
2.5	Số ĐVSN do Nhà nước bảo đảm chi thường xuyên	Đơn vị	0
VII.	Xây dựng và phát triển Chính quyền điện tử, Chính quyền số		
1	Thực hiện Kế hoạch chuyển đổi số		
1.1	Số nhiệm vụ được giao triển khai thực hiện trong kế hoạch	Nhiệm vụ	04
1.2	Số nhiệm vụ đã hoàn thành theo kế hoạch	Nhiệm vụ	0
2	Tỷ lệ hồ sơ công việc của đơn vị được xử lý trên môi trường mạng	%	95,4
3	Tỷ lệ sử dụng văn bản điện tử của cơ quan, đơn vị	%	95,4%
3.1	Tổng số văn bản đi của đơn vị	Văn bản	1.500
3.2	Số văn bản điện tử (Chỉ thống kê văn bản được gửi hoàn toàn dưới dạng điện tử; sử dụng chữ ký số, chứng thư số và gửi trên môi trường điện tử)	Văn bản	1.479
4	Cung cấp dịch vụ công trực tuyến (DVCTT)		
4.1	Tỷ lệ DVCTT toàn trình đủ điều kiện	%	0
4.1.1	Tổng số DVC đủ điều kiện lên trực tuyến toàn trình	Thủ tục	0
4.1.2	Số lượng DVCTT toàn trình	Thủ tục	0
4.2	Tỷ lệ DVC có phát sinh hồ sơ nộp trực tuyến (toàn trình + một phần)	%	0
4.2.1	Tổng số DVCTT có phát sinh hồ sơ (gồm các DVCTT có phát sinh hồ sơ trực tuyến hoặc trực tiếp hoặc cả 2 hình thức)	Thủ tục	0
4.2.2	Số DVCTT có phát sinh hồ sơ trực tuyến	Thủ tục	0
4.3	Tỷ lệ hồ sơ trực tuyến toàn trình	%	0

STT	Chỉ tiêu thống kê	Kết quả thống kê	
		Đơn vị tính	Số liệu
4.3.1	Tổng số hồ sơ của DVCTT toàn trình (gồm hồ sơ nộp trực tuyến + trực tiếp)	Thủ tục	0
4.3.2	Số hồ sơ nộp trực tuyến của các DVCTT toàn trình	Thủ tục	0
4.4	Tỷ lệ hồ sơ trực tuyến một phần	%	0
4.4.1	Tổng số hồ sơ của DVCTT một phần (gồm hồ sơ nộp trực tuyến + trực tiếp)	Thủ tục	0
4.4.2	Số hồ sơ nộp trực tuyến của các DVCTT một phần	Thủ tục	0
4.5	Tỷ lệ TTHC được tích hợp, triển khai thanh toán trực tuyến	%	0
4.5.1	Tổng số TTHC có yêu cầu nghĩa vụ tài chính (tất cả các TTHC có phát sinh phí, lệ phí,...)	Thủ tục	0
4.5.2	Số TTHC đã được tích hợp, triển khai thanh toán trực tuyến trên Cổng DVC quốc gia hoặc trên Cổng DVC của tỉnh.	Thủ tục	0